

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	02 - 03
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 45

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

**2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng ban
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/4/2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Mai Anh Tám - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua việc tiếp tục phương án tăng vốn điều lệ (Kế hoạch tăng vốn này đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022). Cụ thể: phát hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%); chào bán 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Đến thời điểm hiện tại, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã quyết định các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ, đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu và đang chờ được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ngoài những sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh trong kỳ và sau ngày 30/6/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Tập đoàn.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 45, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam



**DƯƠNG THỊ HUYỀN**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2023





Số: 027/2023/BCSXHN-HT.00168

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26/8/2023, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 31/3/2023.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Vấn đề khác (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 26/8/2022.



**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2023





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2023	01/01/2023
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>274.515.178.115</b>	<b>277.921.149.180</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>15.629.128.412</b>	<b>29.177.886.751</b>
Tiền	111		15.629.128.412	16.177.886.751
Các khoản tương đương tiền	112		-	13.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>35.400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.400.000.000	400.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>157.985.465.583</b>	<b>173.459.648.880</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	55.368.897.698	36.301.708.626
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	97.080.518.544	100.040.252.002
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.357.593.293	37.939.232.204
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(821.543.952)	(821.543.952)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>43.190.421.565</b>	<b>49.474.640.835</b>
Hàng tồn kho	141		43.190.421.565	49.474.640.835
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.310.162.555</b>	<b>25.408.972.714</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	76.333.235	151.188.121
Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.233.829.320	25.257.784.593
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>382.258.404.663</b>	<b>368.056.714.079</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>42.450.000.000</b>	<b>42.450.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	42.450.000.000	42.450.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>269.453.566.015</b>	<b>274.289.313.569</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	269.453.566.015	274.289.313.569
- Nguyên giá	222		312.547.361.285	308.183.572.194
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.093.795.270)	(33.894.258.625)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>62.965.665.085</b>	<b>44.005.124.330</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	62.965.665.085	44.005.124.330
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.790.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	6.790.000.000	6.790.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>599.173.563</b>	<b>522.276.180</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	581.429.138	504.531.755
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	17.744.425	17.744.425
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>656.773.582.778</b>	<b>645.977.863.259</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2023	01/01/2023
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>267.718.500.808</b>	<b>272.486.103.020</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>178.568.958.045</b>	<b>170.755.816.655</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.988.045.646	10.031.876.076
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.970.798.529	1.307.392.640
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.499.882.959	1.458.951.671
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	348.115.658	552.695.743
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.230.056.000	967.450.500
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	169.532.059.253	156.437.450.025
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>89.149.542.763</b>	<b>101.730.286.365</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		204.711.241	204.711.241
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	88.944.831.522	101.525.575.124
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>389.055.081.970</b>	<b>373.491.760.239</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>389.055.081.970</b>	<b>373.491.760.239</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.262.596.601	57.794.531.547
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.716.531.547	33.775.430.460
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.546.065.054	24.019.101.087
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.146.880.444	5.051.623.767
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>656.773.582.778</b>	<b>645.977.863.259</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



TRƯƠNG THỊ MINH HỒNG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

ĐƯƠNG THỊ HUYỀN



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>183.060.177.315</b>	<b>216.818.677.397</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>183.060.177.315</b>	<b>216.818.677.397</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	155.928.549.585	188.987.772.257
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>27.131.627.730</b>	<b>27.830.905.140</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	137.218.987	263.080.507
Chi phí tài chính	22	6.4	7.810.063.747	8.620.472.595
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.810.063.747	8.370.708.212
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	137.588.048
Chi phí bán hàng	25	6.5	255.861.162	787.234.970
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.996.064.719	2.182.586.017
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.206.857.089</b>	<b>16.641.280.113</b>
Thu nhập khác	31	6.7	244.835.509	19.609.669
Chi phí khác	32	6.8	20.498.233	24.840.585
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>224.337.276</b>	<b>(5.230.916)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>16.431.194.365</b>	<b>16.636.049.197</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	547.872.634	604.218.957
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	-	3.767.330
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>15.883.321.731</b>	<b>16.028.062.910</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		15.546.065.054	15.746.501.216
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		337.256.677	281.561.694
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.11	518	525
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.11	190	193

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022  
Tổng Giám đốc




TRƯƠNG THỊ MINH HỒNG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		16.431.194.365	16.636.049.197
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.199.536.645	8.311.893.799
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	249.764.383
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(97.665.325)	(125.492.459)
Chi phí lãi vay	06		7.810.063.747	8.370.708.212
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>33.343.129.432</b>	<b>33.442.923.132</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(10.074.861.430)	(62.175.656.340)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		6.284.219.270	17.817.329.852
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(6.050.764.246)	(36.126.470.981)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(2.042.497)	(297.173.042)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.001.698.627)	(8.262.922.062)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(506.941.346)	(754.335.102)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.991.040.556</b>	<b>(56.356.304.543)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.724.329.846)	(562.889.844)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.000.000.000)	(400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.573.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		97.665.325	53.090.946
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(29.053.664.521)</b>	<b>(909.798.898)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	207.522.842.304	159.371.554.927
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(207.008.976.678)	(127.019.996.831)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>513.865.626</b>	<b>32.351.558.096</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(13.548.758.339)</b>	<b>(24.914.545.345)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>60</b>		<b>29.177.886.751</b>	<b>35.790.959.278</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	794.634
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>15.629.128.412</b>	<b>10.877.208.567</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2023  
Tổng Giám đốc



TRƯƠNG THỊ MINH HỒNG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 300.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất; kinh doanh thương mại và dịch vụ.****1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ nông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời);
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ);
- Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có 01 công ty con cấp 1 (tại ngày 01/01/2023: 01 công ty con cấp 1): Công ty cổ phần Công nghệ CRC và có 13 công ty con cấp 2

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 14 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Danh sách các công ty con:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty Cổ phần Công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
<b>Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ CRC</b>					
1	Công ty Cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
3	Công ty Cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
4	Công ty Cổ phần Cung cấp Năng lượng Điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,00%	98,00%
5	Công ty Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,00%	95,00%
6	Công ty Cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,00%	95,00%
7	Công ty Cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,90%	96,90%
8	Công ty Cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%
9	Công ty Cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,20%	93,20%
10	Công ty Cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,50%	99,50%
11	Công ty Cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,00%	96,00%
12	Công ty Cổ phần Năng lượng xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,90%	96,90%
13	Công ty Cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Tập đoàn đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

**Các công ty con** được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty liên kết** là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Lợi ích của cổ đông không kiểm soát** là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Tỷ giá hối đoái

##### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

##### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính giữa niên độ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.5 Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Máy móc thiết bị 05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị quản lý 04 năm

**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa hệ thống pin và chi phí khác được phân bổ trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

**4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

**4.13 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.14 Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.16 Doanh thu và thu nhập****a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu dịch vụ được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**b) Các khoản thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá.

***Thu nhập từ tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

***Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn***

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá**

Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

**4.17 Chi phí****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

**4.18 Thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN cho 4 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.19 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**4.20 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Năng lượng và dịch vụ, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài.

**4.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Chi tiết các Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 8.2

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	10.533.166.969	9.948.734.702
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.095.961.443	6.229.152.049
- Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.629.128.412</b>	<b>29.177.886.751</b>

**5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>35.400.000.000</b>	<b>35.400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.400.000.000	5.400.000.000	400.000.000	400.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	5.400.000.000	5.400.000.000	400.000.000	400.000.000
- Ủy thác gửi tiết kiệm (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
+ Ông Lê Quang Thạch	16.200.000.000	16.200.000.000	-	-
+ Ông Đặng Quốc Đăng	13.800.000.000	13.800.000.000	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>6.790.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam (iii)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iv)	290.000.000	290.000.000	290.000.000	290.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (v)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.190.000.000</b>	<b>42.190.000.000</b>	<b>7.190.000.000</b>	<b>7.190.000.000</b>

- (i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 5.2%/năm
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1004/2023/CRC/NQ-HĐQT ngày 10/04/2023 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm. Các khoản tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank) đứng tên cá nhân có kỳ hạn 01 tháng.
- (iii) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (iv) Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (v) Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

Trong đó, giá trị trái phiếu thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng tại ngày 30/06/2023 là 6.790.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 6.790.000.000 đồng). Chi tiết tại thuyết minh số 5.17.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội	-	6.195.845.970
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng Yên Bái	7.913.395.403	5.016.001.100
- Công ty CP Công nghệ EMP	20.998.713.005	11.785.967.459
- Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum	7.907.732.615	6.360.370.640
- LLC "OKFITSPOORT"	9.151.899.422	408.031.618
- Công ty CP Đầu tư CP Farm Việt Nam	1.168.913.030	845.788.030
- Công ty Điện lực Lâm Đồng - Điện lực Lâm Hà	1.754.539.406	1.496.590.004
- Công ty Điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đức Trọng	1.020.315.696	1.054.015.193
- Công ty Điện lực KonTum	760.698.845	913.142.965
- Khách hàng khác	4.692.690.276	2.225.955.647
<b>Cộng</b>	<b><u>55.368.897.698</u></b>	<b><u>36.301.708.626</u></b>

Trong đó, Phải thu khách hàng là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nhật Minh Xanh	-	3.654.432.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	48.185.085.550	34.597.117.977
- Công ty CP sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	12.982.235.074	11.385.339.707
- Công ty CP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum	4.474.000.000	3.508.000.000
- Công ty CP Công nghệ EMP	7.035.266.750	16.259.266.750
- Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG	-	8.381.644.880
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	1.346.427.401	1.679.739.402
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Caruvina	-	14.250.000.000
- Công ty CP Đầu tư CP FARM Việt Nam	18.476.632.500	2.500.000.000
- Nhà cung cấp khác	4.577.871.269	3.824.711.286
<b>Cộng</b>	<b><u>97.080.518.544</u></b>	<b><u>100.040.252.002</u></b>

Trong đó, Trả trước cho người bán là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**5.5. Phải thu khác**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.357.593.293</b>	-	<b>37.939.232.204</b>	-
- Tạm ứng (i)	6.150.702.672	-	9.101.557.572	-
+ Ông Nguyễn Xuân Đạt	-	-	2.600.000.000	-
+ Ông Nguyễn Quang Huy	1.150.702.672	-	5.101.557.572	-
+ Ông Đặng Quốc Đăng	5.000.000.000	-	-	-
+ Ông Nguyễn Phi Long	-	-	1.000.000.000	-
+ Ông Phan Văn Sơn	-	-	400.000.000	-
- Chuyển nhượng cổ phần	-	-	28.573.000.000	-
+ Ông Nguyễn Tiến Độ	-	-	14.473.000.000	-
+ Ông Đào Văn Huỳnh	-	-	7.983.750.000	-
+ Ông Nguyễn Khắc Lưu	-	-	6.116.250.000	-
- Lãi tiền gửi, trái phiếu	197.485.808	-	197.485.808	-
- Các khoản phải thu khác	9.404.813	-	67.188.824	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>42.450.000.000</b>	-	<b>42.450.000.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược	42.450.000.000	-	42.450.000.000	-
+ Bà Triệu Thị Sa (ii)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
+ Ông Mai Anh Đức (iii)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Mạnh Hà (iv)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
+ Ban Quản lý các KCN tỉnh Lâm Đồng (v)	450.000.000	-	450.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>48.807.593.293</b>	-	<b>80.389.232.204</b>	-

Trong đó, Phải thu khác là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2)

- (i) Khoản tạm ứng tiền san lấp mặt bằng nhà máy Pin mặt trời Yên Bái.
- (ii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCINVEST ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCTECH ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/1NVEST ngày 10/07/2020 thời hạn 25 năm.
- (iii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTĐ/LAMHA2 ngày 18/09/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/DUCTRONG ngày 30/09/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/KONTUM ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm.
- (iv) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTĐ/DATEH ngày 24/08/2020 thời hạn 25 năm.
- (v) Tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 26/TTKQ ngày 11/09/2020 thời hạn từ 11/09/2020 đến 22/02/2054.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.6. Nợ xấu**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>a) Phải thu khách hàng</b>				
- BEL TamoZhiliya Limited	118.571.650	59.285.825	118.571.650	59.285.825
<b>b) Trả trước cho người bán</b>				
- JA Solar International Limited	1.088.940.182	326.682.055	1.088.940.182	326.682.055
<b>Cộng</b>	<b>1.207.511.832</b>	<b>385.967.880</b>	<b>1.207.511.832</b>	<b>385.967.880</b>

**5.7. Chi phí trả trước**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>76.333.235</b>	<b>151.188.121</b>
- Chi phí bảo hiểm	65.990.378	144.387.346
- Công cụ dụng cụ	-	5.499.539
- Chi phí trả trước khác	10.342.857	1.301.236
<b>b) Dài hạn</b>	<b>581.429.138</b>	<b>504.531.755</b>
- Chi phí sửa chữa	448.147.800	351.865.982
- Công cụ dụng cụ	123.173.597	147.545.773
- Chi phí trả trước khác	10.107.741	5.120.000
<b>Cộng</b>	<b>657.762.373</b>	<b>655.719.876</b>

**5.8. Hàng tồn kho**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a) Hàng tồn kho</b>	<b>43.190.421.565</b>	-	<b>49.474.640.835</b>	-
- Nguyên liệu, vật liệu	786.315.000	-	786.315.000	-
- Thành phẩm	2.430.446.000	-	4.954.988.000	-
- Hàng hóa (*)	39.973.660.565	-	43.733.337.835	-
<b>b) Dự phòng giảm giá HTK</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>43.190.421.565</b>	-	<b>49.474.640.835</b>	-

**(\*) Chi tiết hàng gửi tại kho Bên thứ 3:**

Tên công ty	Loại hàng gửi	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Nhân hạt điều	24.685.542.180	26.134.247.568
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	Gạch	6.282.635.644	10.032.867.546

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND		VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
<b>Số dư 01/01/2023</b>	<b>305.097.544.558</b>	<b>3.024.434.000</b>	<b>61.593.636</b>	<b>308.183.572.194</b>
Mua trong kỳ	3.000.000.000	1.573.789.091	-	4.573.789.091
Giảm khác	(210.000.000)	-	-	(210.000.000)
<b>Số dư 30/6/2023</b>	<b>307.887.544.558</b>	<b>4.598.223.091</b>	<b>61.593.636</b>	<b>312.547.361.285</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư 01/01/2023</b>	<b>32.694.328.743</b>	<b>1.190.160.997</b>	<b>9.768.885</b>	<b>33.894.258.625</b>
Khấu hao trong kỳ	8.768.222.587	423.614.852	7.699.206	9.199.536.645
<b>Số dư 30/6/2023</b>	<b>41.462.551.330</b>	<b>1.613.775.849</b>	<b>17.468.091</b>	<b>43.093.795.270</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2023	272.403.215.815	1.834.273.003	51.824.751	274.289.313.569
Tại ngày 30/6/2023	<b>266.424.993.228</b>	<b>2.984.447.242</b>	<b>44.125.545</b>	<b>269.453.566.015</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 232.692.057.173 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 237.633.414.322 đồng)
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

**5.10. Tài sản dở dang dài hạn**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>- Mua sắm</b>		
+ Mua xe ô tô Vinfast	-	961.000.000
<b>- Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
+ Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Yên Bái	41.843.541.297	24.690.423.269
+ Dự án Khu Đô Thị CRC	140.000.000	140.000.000
+ Nhà máy sản xuất lưới thép Công ty CP Vinasolar Bảo Lộc	17.982.123.788	15.213.701.061
+ Dự án Trại gà Công ty CP Công Nghệ CRC	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Dự án Trại gà Công ty CP Năng lượng xanh Kosun	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.965.665.085</b>	<b>44.005.124.330</b>

**5.11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/6/2023	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	17.744.425	17.744.425
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>17.744.425</b>	<b>17.744.425</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH KD Thương mại và Dịch vụ Vinfast	-	-	1.017.100.000	1.017.100.000
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun VN	1.481.214.056	1.481.214.056	1.981.214.056	1.981.214.056
Công ty CP CRC Solar Cell	467.529.000	467.529.000	5.567.529.000	5.567.529.000
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum	1.310.540.000	1.310.540.000	414.540.000	414.540.000
Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Bảo Lộc	519.696.000	519.696.000	519.696.000	519.696.000
Các đối tượng khác	209.066.590	209.066.590	531.797.020	531.797.020
<b>Cộng</b>	<b>3.988.045.646</b>	<b>3.988.045.646</b>	<b>10.031.876.076</b>	<b>10.031.876.076</b>

Trong đó, Phải trả người bán ngắn hạn là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2)

**5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng ET	1.164.500.000	1.164.500.000
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kim Thành	206.161.000	-
- Các đối tượng khác	600.137.529	142.892.640
<b>Cộng</b>	<b>1.970.798.529</b>	<b>1.307.392.640</b>

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.200.499.932	547.872.634	506.941.346	1.241.431.220
Thuế thu nhập cá nhân	91.886.515	-	-	91.886.515
Các loại thuế khác	166.565.224	36.000.000	36.000.000	166.565.224
<b>Cộng</b>	<b>1.458.951.671</b>	<b>583.872.634</b>	<b>542.941.346</b>	<b>1.499.882.959</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	300.115.658	491.750.538
- Các khoản khác	48.000.000	60.945.205
<b>Cộng</b>	<b><u>348.115.658</u></b>	<b><u>552.695.743</u></b>

**5.16. Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội, y tế & thất nghiệp	29.605.500	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	33.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.098.450.500	856.450.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	102.000.000	78.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.230.056.000</u></b>	<b><u>967.450.500</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**5.17. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
- Vay ngắn hạn	142.217.708.193	142.217.708.193	206.445.742.304	194.066.301.148	129.838.267.037	129.838.267.037
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1)	83.846.415.706	83.846.415.706	122.917.893.552	95.840.661.388	56.769.183.542	56.769.183.542
+ Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (2)	47.846.292.487	47.846.292.487	72.012.260.149	88.045.051.157	63.879.083.495	63.879.083.495
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	9.180.000.000	9.180.000.000	9.430.588.603	9.440.588.603	9.190.000.000	9.190.000.000
+ Vay cá nhân (4)	1.345.000.000	1.345.000.000	2.085.000.000	740.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	27.314.351.060	27.314.351.060	13.657.843.602	12.942.675.530	26.599.182.988	26.599.182.988
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (5)	312.351.060	312.351.060	303.343.602	156.175.530	165.182.988	165.182.988
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	78.000.000	78.000.000	97.500.000	19.500.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (6)	6.654.000.000	6.654.000.000	3.327.000.000	3.327.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (7)	4.100.000.000	4.100.000.000	2.070.000.000	2.030.000.000	4.060.000.000	4.060.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (8)	16.170.000.000	16.170.000.000	7.860.000.000	7.410.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>169.532.059.253</b>	<b>169.532.059.253</b>	<b>220.103.585.906</b>	<b>207.008.976.678</b>	<b>156.437.450.025</b>	<b>156.437.450.025</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

## b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
-	88.944.831.522	88.944.831.522	1.077.100.000	13.657.843.602	101.525.575.124	101.525.575.124
+	1.252.083.290	1.252.083.290	677.100.000	303.343.602	878.326.892	878.326.892
+	302.500.000	302.500.000	400.000.000	97.500.000	-	-
+	24.110.500.000	24.110.500.000	-	3.327.000.000	27.437.500.000	27.437.500.000
+	13.356.813.701	13.356.813.701	-	2.070.000.000	15.426.813.701	15.426.813.701
+	49.922.934.531	49.922.934.531	-	7.860.000.000	57.782.934.531	57.782.934.531
-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>88.944.831.522</b>	<b>88.944.831.522</b>	<b>1.077.100.000</b>	<b>13.657.843.602</b>	<b>101.525.575.124</b>	<b>101.525.575.124</b>

## Chi tiết thông tin các khoản vay

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng TDHM số 01/2022/8353501/HĐTD ngày 21/06/2022; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,8%-9,2%/năm với khoản vay bằng VND và 4,8%-5,6%/năm với khoản vay bằng USD. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; 29 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng; 750.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám.
- Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo Hợp đồng tín dụng số 1260LAV202200250 ngày 19/05/2022; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 9%-9,5%/năm đối với khoản vay bằng VND và 5%-6%/năm đối với khoản vay bằng USD. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của Bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- 3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cho vay hạn mức 01/2023-HĐCVHM/NHCT127-CRC ngày 10/02/2023:
- Khoản vay ngắn hạn: Thời hạn vay là 4-6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Trái phiếu Vietcombank trị giá 6.000.000.000 đồng; Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế do bên nhận thế chấp tài trợ vốn với giá trị tối thiểu bằng số dư nợ; Toàn bộ nguồn thu luân chuyển qua tài khoản tiền gửi thanh toán VND số 118002774994 và tiền gửi thanh toán USD số 119002775000 và các tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty mở tại Ngân hàng sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp.
  - Khoản vay dài hạn: Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất thả nổi; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Honda City RS BKS 30K-286.47.
- 4) Các khoản vay cá nhân là vay tín chấp dưới 12 tháng, Lãi suất 0%/năm.
- 5) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TD/H/PL/2021/0494 ngày 02/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TD/H/PL/2021/0658 ngày 28/04/2021; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13.
  - Hợp đồng tín dụng số 806400301157 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TD/H/TC/806400301157 ngày 08/08/2022; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Mitsubishi BSK: 29B-622.58.
  - Hợp đồng tín dụng số 806400311830 ngày 10/01/2023 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TD/H/HĐTC/2023/806400311830 ngày 10/01/2023; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 10.9%/năm cho năm đầu. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast VF8 BKS: 30K-101.79.
- 6) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng cho vay số 65290.20.011.8298087.TD ngày 23/11/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực miền trung; 95% Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại Công ty cổ phần Công nghệ CRC theo Giấy chứng nhận góp vốn số 04/CNCP/CRC/TECH do Công ty Cổ phần Công nghệ CRC cấp ngày 30/06/2020.
  - Hợp đồng tín dụng số 12525.011.8374851.TD ngày 16/03/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
  - Hợp đồng vay số 4330.21.011.9148657.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án
  - Hợp đồng vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án
  - Hợp đồng vay số 12611.21.014.9720117.TD ngày 16/03/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trứ tại Công ty theo Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCNCP ngày 26/11/2020.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- 7) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HĐDA/20598213 ngày 26/06/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án Điện mặt trời; 400.000 phiếu của Công ty Create Capital Việt Nam (CRC) thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám; Nguồn thu từ dự án điện áp mái Lâm Hà 1; Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 9 địa chỉ thôn Thanh Bình, Lâm Hà, Lâm Đồng số BU186588.
  - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HĐDA/2095745 ngày 17/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
  - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HĐDA/20955417 ngày 09/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng của dự án trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện giữa EVN và Công ty; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544376
- 8) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo những hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209634/HĐTD ngày 11/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209604/HĐTD ngày 11/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng hình thành từ dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Bà Dương Thị Huyền; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544379.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209597/HĐTD ngày 21/08/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519932/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Đức tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/13908223/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liêu kết hợp điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/145070831/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liêu kết hợp điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14532823/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519935/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14514121/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

**5.18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND			VND		VND		
<b>Số dư 01/01/2022</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>33.853.430.460</b>	<b>4.994.668.350</b>	<b>349.493.703.735</b>		
Lãi trong năm trước	-	-	-	24.019.101.087	517.955.417	24.537.056.504		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(461.000.000)	(461.000.000)		
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)		
<b>Số dư 01/01/2023</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>57.794.531.547</b>	<b>5.051.623.767</b>	<b>373.491.760.239</b>		
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-		
Lãi trong kỳ này	-	-	-	15.546.065.054	337.256.677	15.883.321.731		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-		
Thù lao HĐQT và BKS (*)	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)		
Giảm khác	-	-	-	-	(242.000.000)	(242.000.000)		
<b>Số dư 30/6/2023</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>73.262.596.601</b>	<b>5.146.880.444</b>	<b>389.055.081.970</b>		

(\*) Trong kỳ, Công ty trích thù lao trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số tiền 78.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/GRC/INQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Ông Mai Anh Tám	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000
- Cổ đông khác	265.955.200.000	265.955.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>300.000.000.000</u></b>	<b><u>300.000.000.000</u></b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua việc tiếp tục phương án tăng vốn điều lệ (Kế hoạch tăng vốn này đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022). Cụ thể: phát hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%); chào bán 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

**d) Cổ phiếu**

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**e) Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán.
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% mệnh giá cổ phần
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**f) Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

**5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Tiền gửi ngân hàng	7.403,41	77.731,52

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023</u>	<u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022</u>
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	154.016.963.957	187.299.133.427
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.043.213.358	29.519.543.970
<b>Cộng</b>	<b><u>183.060.177.315</u></b>	<b><u>216.818.677.397</u></b>

Trong đó, Doanh thu bán hàng cho các Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023</u>	<u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022</u>
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	147.141.209.377	180.660.992.944
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.787.340.208	8.326.779.313
<b>Cộng</b>	<b><u>155.928.549.585</u></b>	<b><u>188.987.772.257</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023</u>	<u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022</u>
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	97.665.325	263.080.507
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	33.253.662	-
- Doanh thu khác	6.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>137.218.987</u></b>	<b><u>263.080.507</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
- Lãi vay	7.810.063.747	8.370.708.212
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	249.764.383
<b>Cộng</b>	<b>7.810.063.747</b>	<b>8.620.472.595</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.861.162	787.234.970
<b>Cộng</b>	<b>255.861.162</b>	<b>787.234.970</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	1.126.618.022	900.933.903
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	51.487.388	68.581.299
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	586.653.717	230.126.769
- Thuế, phí và lệ phí	36.000.000	36.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	919.965.944	580.959.496
- Chi phí bằng tiền khác	275.339.648	365.984.550
<b>Cộng</b>	<b>2.996.064.719</b>	<b>2.182.586.017</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
- Khoản bồi thường	244.834.309	-
- Thu nhập khác	1.200	19.609.669
<b>Cộng</b>	<b>244.835.509</b>	<b>19.609.669</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.8. Chi phí khác**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
- Thuế bị phạt, truy thu	7.940.690	24.834.964
- Chi phí khác	12.557.543	5.621
<b>Cộng</b>	<b>20.498.233</b>	<b>24.840.585</b>

**6.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.387.487.388	21.488.659.064
- Chi phí nhân công	1.126.618.022	950.933.903
- Chi phí khấu hao TSCĐ	9.199.536.645	8.311.893.799
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.397.966.206	1.395.862.751
- Chi phí khác bằng tiền	278.339.648	629.860.468
<b>Cộng</b>	<b>13.389.947.909</b>	<b>32.777.209.985</b>

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	547.872.634	604.218.957
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>547.872.634</b>	<b>604.218.957</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	3.767.330
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>3.767.330</b>

**6.12. Lãi trên cổ phiếu**

	Đơn vị tính	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	VND	15.546.065.054	15.746.501.216
- Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
- <b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>15.746.501.216</b>	<b>15.746.501.216</b>
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phần	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (*)	Cổ phần	51.800.000	51.800.000
- <b>Lãi trên cổ phiếu</b>			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	518	525
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	190	193

(\*) Xem chi tiết tại Thuyết minh 5.18c

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	207.522.842.304	159.371.554.927
<b>Cộng</b>	<b>207.522.842.304</b>	<b>159.371.554.927</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	207.008.976.678	127.019.996.831
<b>Cộng</b>	<b>207.008.976.678</b>	<b>127.019.996.831</b>

**7.3. Các giao dịch phi tiền tệ khác**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay qua đánh giá CLTG	-	366.989.136

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua việc tiếp tục phương án tăng vốn điều lệ (Kế hoạch tăng vốn này đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022). Cụ thể: phát hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%); chào bán 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã quyết định các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ, đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu và đang chờ được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**8.2 Thông tin về các bên liên quan****a) Thông tin về các bên liên quan**

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt
2	Công ty TNHH Đầu Tư Và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022
3	Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của Chủ tịch HĐQT
4	Công ty CP Phụ gia Bê tông Phả Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
5	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc
6	Công ty CP Vật tư Điện Hùng Cường	BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 9/1/2023
7	Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc công ty con
8	Công ty CP Gốm sứ Haceco	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 13/12/2022
9	Công ty CP Tập đoàn Koly	BLQ của Tổng GD đến ngày 13/12/2022
10	Công ty CP Hăng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**b) Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

**Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Ông Mai Anh Tám	12.000.000	76.000.000
Bà Dương Thị Huyền	59.966.154	130.441.237
Ông Hoàng Trung Kiên	12.000.000	76.000.000
Ông Phạm Văn Trường	12.000.000	-
Ông Lê Thành Nhân	12.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng	-	76.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Bà Phạm Thị Huệ	49.633.761	53.166.951
Bà Hà Thị Hiến	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Văn Nhu	6.000.000	6.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Vũ Thị Thủy	50.800.000	-
<b>Kế toán trưởng</b>		
Nguyễn Thị Thúy Nga	21.994.957	-
	<b>242.394.872</b>	<b>447.608.188</b>

**Số dư với các bên liên quan khác:**

Bên liên quan	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	-	<b>8.900.187.879</b>
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	-	8.381.644.880
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	-	518.542.999
<b>Tiền gửi ủy thác</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>
Ông Lê Quang Thạch	16.200.000.000	-
<b>Phải trả người bán</b>	-	<b>24.000.000</b>
Ông Mai Anh Đức	-	24.000.000
<b>Phải thu dài hạn khác (cọc tiền thuê đất)</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
Ông Mai Anh Đức	30.000.000.000	30.000.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ:**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	Mua hàng	-	15.714.780.000
	Nhận trước tiền mua hàng	3.541.457.000	-
	Trả lại tiền ứng trước	3.541.457.000	-
	Nhận lại tiền ứng trước	518.542.999	-
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	Nhận lại tiền ứng trước	8.381.644.880	-
Công ty CP Tập đoàn Koly	Bán hàng hóa	-	5.989.719.151
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Mua hàng hóa	-	192.071.600
	Bán hàng hóa	-	11.013.400.000
Công ty CP Vật tư điện Hùng Cường	Bán hàng hóa	-	2.594.442.000
Ông Lê Quang Thạch	Ủy thác đầu tư	16.200.000.000	-
	Vay	-	400.000.000
	Trả tiền vay	-	230.000.000
Ông Mai Anh Đức	Phải trả tiền thuê đất	99.479.100	99.479.100
	Trả tiền thuê đất	123.479.100	-
	Đặt cọc thuê đất	-	4.310.000.000

Ngoài ra, Ông Mai Anh Tám, Bà Trần Thị Thu Hiền (Vợ ông Mai Anh Tám), Ông Mai Anh Đức (con Ông Mai Anh Tám) và Bà Dương Thị Huyền đã sử dụng các tài sản cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.16).

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/6/2023:

Khoản mục	Kinh doanh hàng hóa	Năng lượng và dịch vụ	Đầu tư tài chính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu thuần của bộ phận</b>	<b>154.016.963.957</b>	<b>29.043.213.358</b>	-	<b>183.060.177.315</b>
Doanh thu thuần	154.016.963.957	29.043.213.358	-	183.060.177.315
<b>Chi phí của bộ phận</b>	<b>151.035.392.611</b>	<b>15.955.146.602</b>	-	<b>166.990.539.213</b>
Giá vốn	147.141.209.377	8.787.340.208	-	155.928.549.585
Chi phí bán hàng	255.861.162	-	-	255.861.162
Chi phí quản lý	2.200.759.512	795.305.207	-	2.996.064.719
Chi phí lãi vay	1.437.562.560	6.372.501.187	-	7.810.063.747
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>2.981.571.346</b>	<b>13.088.066.756</b>	-	<b>16.069.638.102</b>
Thu nhập từ HĐTC			137.218.987	137.218.987
Lợi nhuận khác	224.337.276			224.337.276
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>3.205.908.622</b>	<b>13.088.066.756</b>	<b>137.218.987</b>	<b>16.431.194.365</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành				547.872.634
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>15.883.321.731</b>

b) Tài sản theo bộ phận tại ngày 30/6/2023:

Khoản mục	Kinh doanh hàng hóa	Năng lượng và dịch vụ	Đầu tư tài chính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản ngắn hạn	191.363.684.299	47.751.493.816	35.400.000.000	274.515.178.115
Tài sản dài hạn	66.271.227.397	309.197.177.266	6.790.000.000	382.258.404.663
<b>Tổng tài sản</b>	<b>257.634.911.696</b>	<b>356.948.671.082</b>	<b>42.190.000.000</b>	<b>656.773.582.778</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả ngắn hạn	134.486.088.375	44.082.869.670	-	178.568.958.045
Nợ phải trả dài hạn	1.759.294.531	87.390.248.232	-	89.149.542.763
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>136.245.382.906</b>	<b>131.473.117.902</b>	-	<b>267.718.500.808</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

c) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/6/2022:

Khoản mục	Kinh doanh	Năng lượng	Đầu tư tài	Cộng
	hàng hóa	và dịch vụ	chính	
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu thuần của bộ phận</b>	<b>187.299.133.427</b>	<b>29.519.543.970</b>	-	<b>216.818.677.397</b>
Doanh thu thuần	187.299.133.427	29.519.543.970	-	216.818.677.397
<b>Chi phí của bộ phận</b>	<b>184.251.771.679</b>	<b>16.076.529.777</b>	-	<b>200.328.301.456</b>
Giá vốn	180.660.992.944	8.326.779.313	-	188.987.772.257
Chi phí bán hàng	787.234.970	-	-	787.234.970
Chi phí quản lý	1.519.702.712	662.883.305	-	2.182.586.017
Chi phí lãi vay	1.283.841.053	7.086.867.159	-	8.370.708.212
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>3.047.361.748</b>	<b>13.443.014.193</b>	-	<b>16.490.375.941</b>
Thu nhập từ HĐTC	-	-	150.904.172	150.904.172
Lợi nhuận khác	(5.230.916)	-	-	(5.230.916)
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>3.042.130.832</b>	<b>13.443.014.193</b>	<b>150.904.172</b>	<b>16.636.049.197</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành				604.218.957
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				3.767.330
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>16.028.062.910</b>

d) Tài sản theo bộ phận tại ngày 31/12/2022:

Khoản mục	Kinh doanh	Năng lượng	Đầu tư tài	Cộng
	hàng hóa	và dịch vụ	chính	
	VND	VND	VND	VND
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản ngắn hạn	236.162.177.777	28.358.971.403	13.400.000.000	277.921.149.180
Tài sản dài hạn	50.748.437.958	310.518.276.121	6.790.000.000	368.056.714.079
<b>Tổng tài sản</b>	<b>286.910.615.735</b>	<b>338.877.247.524</b>	<b>20.190.000.000</b>	<b>645.977.863.259</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả ngắn hạn	121.163.938.868	49.591.877.787	-	170.755.816.655
Nợ phải trả dài hạn	1.083.038.133	100.647.248.232	-	101.730.286.365
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>122.246.977.001</b>	<b>150.239.126.019</b>	-	<b>272.486.103.020</b>

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Kỳ kế toán 06	Kỳ kế toán 06
	tháng kết thúc	tháng kết thúc
	ngày 30/06/2023	ngày 30/6/2022
	VND	VND
Khu vực nội địa	165.891.638.164	202.159.079.084
Khu vực nước ngoài	17.168.539.151	14.659.598.313
	<b>183.060.177.315</b>	<b>216.818.677.397</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**8.4 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Tập đoàn đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc.

Người lập biểu



**TRƯƠNG THỊ MINH HỒNG**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ THÚY NGA**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



**DƯƠNG THỊ HUYỀN**

